

Bản án số: **42** /2026/KDTM-ST

Ngày: 13/05/2026

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Công Hách**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Minh Phương

Bà Nguyễn Thị Cờ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Phạm Hà Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 05 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 41/2025/TLST-KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 487/2025/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/QĐST-KDTM ngày 14 tháng 01 năm 2026; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2026/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 02 năm 2026; Thông báo mở lại phiên tòa số 10/2026/TB-TA ngày 23 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2026/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH D

Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà A đường L, TDP N, xã T, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị H – Chức vụ: Giám đốc; Số điện thoại: 0385.xxx.xxx. (Có mặt bà H)

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Anh T, ông Đình Hoàng M.

Địa chỉ: C, số B N, phường T, thành phố H. (Vắng mặt ông T, có mặt ông M)

- Bị đơn: Công ty TNHH T2

Đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị Thanh X – Chức vụ: Tổng giám đốc. Địa chỉ trụ sở: Số A phố T, phường K, H.

Địa chỉ công ty H1: Số B H, phường K, thành phố H.

Số điện thoại: 0795.xxx.xxx. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2025 và các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH D trình bày như sau:

Công Ty TNHH D (sau đây gọi tắt là “Công ty D”) và Công Ty TNHH T2 (sau đây gọi tắt là “Công ty T2”) đã có mối quan hệ hợp tác mua bán dây, cáp điện cadisun trong rất nhiều năm. Ngày 28 tháng 4 năm 2025 Công ty D và Công ty T2 ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 280425/HĐMB/YS-TNK (sau đây gọi tắt “Hợp đồng 280425”). Sau khi ký kết, Công ty D đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng 28042 bao gồm:

i. Đợt 1: Ngày 29/4/2025 thanh toán khoản tạm ứng 30% giá trị hợp đồng 751.210.647 VNĐ;

ii. Đợt 2: Ngày 08/5/2025 thanh toán khoản tiền 100% giá trị hàng sẵn có trước ngày 8/5 tương ứng 1.506.262.136 VNĐ;

iii. Đợt 3: Ngày 11/6/2025 thanh toán phần còn lại 231.124.874 VNĐ (sau khi đã trừ đi 0,05% khoản phạt vi phạm hợp đồng do giao chậm hàng hoá) khi Công ty T2 thông báo giao hàng số 020625/TBGH-TNK ngày 02/6/2025.

Trong thông báo giao hàng số 020625/TBGH-TNK ngày 02/6/2025 Công ty T2 đã thông báo việc giao hàng cho Công ty D có thể bị chậm trễ kéo dài đến 12/6/2025 mong Công ty D thông cảm và chia sẻ khó khăn, vì đã là bạn hàng đối tác lâu năm Công ty D đã chấp nhận việc chậm trễ tiến độ thực hiện trên nhằm chia sẻ khó khăn với đối tác và thanh toán trước khoản thanh toán đợt 3. Tuy nhiên, Công ty T2 đến hiện nay vẫn khát lần, chưa thực hiện nghĩa vụ giao hàng cho Công ty D.

Vì sự tin tưởng đối với đối tác, Công ty D ngày 20/6/2025 tiếp tục cùng Công ty T2 ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 200625/HĐMB/YS-TNK (Sau đây gọi tắt “Hợp đồng 200625”). Sau khi ký kết hợp đồng Công ty D tuân theo quy định Điều 4 Hợp đồng 200625 thanh toán 30% khoản đặt cọc 389.903.207 VNĐ, tuy nhiên đến hiện tại Công ty D vẫn không nhận được bất kỳ thông báo giao hàng nào.

Để giải quyết vấn đề chậm trễ thực hiện nghĩa vụ hợp đồng của Công ty T2, Công ty D đã tiến hành liên hệ với phía Công ty T2, hai bên đã ký kết biên bản làm việc 17/7/2025 thống nhất hủy bỏ Hợp đồng 280425 tiếp tục gia hạn thực hiện Hợp đồng 200625. Ngoài ra, Công ty D nhận được công văn số 217/CV-TNK ngày 21/7/2025, và công văn số 287/CV-TNK ngày 28/7/2025 của Công ty T2 thừa nhận việc giao chậm hàng hóa, về vấn đề chấm dứt, phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại Hợp đồng 280425. Tuy nhiên, Công ty T2 vẫn chưa hề có bất kỳ hành vi thực hiện theo cam kết trên thực tế. Công ty T2 đã chia sẻ về vấn đề những khó khăn trong việc hoạt động kinh doanh của mình, với thiện chí hợp tác và để giúp đỡ hết mức đối

tác ngày 01/8/2025 Công ty D cùng bên Công ty T2 tiếp tục ký thêm “Biên bản thỏa thuận về việc thanh lý hợp đồng và xử lý nghĩa vụ chưa thực hiện”, tại biên bản này hai bên thống nhất:

i. Gia hạn thời hạn giao hàng Hợp đồng 200625 đến ngày 02/8/2025, nếu Công ty T2 không thực hiện được việc giao hàng hóa hợp đồng sẽ tự động chấm dứt vào ngày 03/8/2025.

ii. Hoàn trả giá trị hàng hóa chưa giao của Hợp đồng 280425 và tiền cọc của Hợp đồng 200625.

Mặc dù, nhận được sự hỗ trợ nhiệt tình và tạo điều kiện hết mức từ phía Công ty D tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại, Công ty T2 vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ giao hàng, đồng thời cũng không hoàn trả số tiền mua hàng và tiền đặt cọc theo nội dung đã được hai bên thống nhất tại Biên bản làm việc ngày 01/8/2025. Sau khi sự kiện này diễn ra Công ty D đã liên hệ với Công ty T2 trên nhóm Zalo làm việc chung nhằm yêu cầu trả lời về vấn đề trên nhưng không hề nhận được bất kỳ câu trả lời rõ ràng và hành động nào.

Hành vi của Công ty T2 không chỉ vi phạm các hợp đồng ban đầu mà còn vi phạm cam kết cuối cùng tại Biên bản thỏa thuận ngày 01/8/2025, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty D.

Xét thấy các bên đã không còn khả năng tiếp tục thương lượng, Công ty D mong muốn khởi kiện đến Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội nhằm yêu cầu giải quyết quan hệ tranh chấp kinh tế với những vấn đề:

i. Yêu cầu Công ty TNHH T2 hoàn trả giá trị hàng hóa chưa giao 1.499.221.733 VNĐ của Hợp đồng 280425;

ii. Yêu cầu Công ty TNHH T2 hoàn trả khoản đặt cọc mua hàng hóa 389.903.207 VNĐ của Hợp đồng 200625;

iii. Yêu cầu Công ty TNHH T2 thanh toán khoản phạt vi phạm nghĩa vụ của Hợp đồng đối với Hợp đồng 280425: Tính số ngày chậm giao từ thời điểm lẽ ra phải giao hàng (sau khi đã gia hạn) cho đến ngày hai bên ký Biên bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng (01/8/2025). Sau đó nhân với mức phạt 0,05%/ngày:

+ Khoản phạt vi phạm thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của Hợp đồng 2% tổng giá trị hợp đồng: 50.080.709,78VNĐ;

+ Khoản phạt vi phạm về thời gian thực hiện hợp đồng 0,05% giá trị của phần hàng chậm giao: Tiền phạt chậm giao = 1.499.221.733 VNĐ x 0,05% x (số ngày chậm).

iv. Yêu cầu Công ty TNHH T2 thanh toán khoản phạt vi phạm nghĩa vụ của Hợp đồng đối với Hợp đồng 200625: Tính số ngày chậm giao từ ngày dự kiến giao

hàng (khoảng 30 - 35 ngày sau khi nhận cọc) cho đến ngày hợp đồng tự động chấm dứt (03/8/2025):

+ Khoản phạt vi phạm thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của Hợp đồng 2% tổng giá trị hợp đồng: 25.993.551,32 VNĐ;

+ Khoản phạt vi phạm về thời gian thực hiện hợp đồng 0,05% giá trị của phần hàng chậm giao: Tiền phạt chậm giao = 1.499.221.733 VNĐ x 0,05% x (số ngày chậm).

v. Buộc Công ty T2 phải chịu toàn bộ án phí và các chi phí tố tụng khác theo quy định pháp luật.

Ngoài các nội dung trên Công ty D không yêu cầu Tòa giải quyết nội dung nào khác.

Quá trình tiến hành giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo cho Công ty T2 biết Tòa án đã thụ lý vụ án tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hoá do Công ty D khởi kiện đối với Công ty T2 và nhiều lần triệu tập Công ty T2 đến Tòa để giải quyết vụ án, nhưng Công ty T2 không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự giải quyết vụ án. Tòa án không thể tiến hành việc đối chất, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự. Bị đơn Công ty T2 không giao nộp bất kỳ tài liệu và chứng cứ nào cho Tòa án để giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Công ty D vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội buộc Công ty T2 thanh toán cho Công ty D số tiền:

Tiền phạt vi phạm:

- Phạt 2% tổng giá trị hợp đồng: 3.803.713.055 VNĐ x 2% = 76.074.261 VNĐ

- Phạt 0,05% giá trị phần hàng chậm giao: 1.889.124.940 VNĐ x 0,05% = 944.562 VNĐ.

Tổng số tiền phạt vi phạm: 76.074.261 VNĐ + 944.562 VNĐ = 77.018.823 VNĐ.

b) Tiền lãi chậm trả:

- Thời gian chậm trả: Từ ngày 07/8/2025 đến ngày 13/5/2026 là 279 ngày.

Số tiền gốc tính lãi (phần hàng chậm giao): 1.789.124.940 VNĐ

Công thức tính: Số tiền gốc x Lãi suất/năm x (Số ngày chậm trả/365)

1.789.124.940 VNĐ x 10% x (279/365) = 136.757.769 VNĐ

- Thời gian chậm trả: Từ ngày 07/08/2025 đến ngày 17/10/2025

Số tiền gốc tính lãi (phần hàng chậm giao): 50.000.000 VNĐ (khoản tiền đã thanh toán ngày 17/10/2025)

50.000.000 VNĐ x 10% x (71/365) = 972.603 VNĐ

- Thời gian chậm trả: Từ ngày 07/08/2025 đến ngày 21/1/2026

Số tiền gốc tính lãi (phần hàng chậm giao): 50.000.000 VNĐ (khoản tiền đã thanh toán ngày 21/1/2026)

$50.000.000 \text{ VNĐ} \times 10\% \times (167/365) = 2.287.671 \text{ VNĐ}$

Tổng số tiền lãi chậm trả: 140.018.043 VNĐ

Như vậy, T1 nợ gốc: 1.789.124.940 VNĐ.

Tiền phạt vi phạm: 77.018.823 VNĐ.

Tiền lãi chậm trả (tạm tính từ ngày 07/08/2025 đến ngày xét xử hôm nay): 140.018.043 VNĐ.

Tổng là: 2.006.161.806 VNĐ (Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm linh sáu triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm linh sáu đồng).

Tại phiên tòa Công ty T2 vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội không tham gia phiên tòa và không gửi bài phát biểu.

Công ty D không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Công ty T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Công ty T2 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng Công ty không lên Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay Công ty T2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty T2 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền phát sinh từ việc vi phạm nghĩa vụ giao hàng theo các Hợp đồng mua bán dây, cáp điện Cadisun thuộc dự án Thái Bình đã được ký kết giữa Công ty D và Công ty T2, là doanh nghiệp được thành lập theo luật doanh nghiệp với mục đích hoạt động để phát sinh lợi nhuận. Do vậy, căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án kinh doanh thương mại này là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo khoản 1 điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 8.2 Điều 8 tại các Hợp đồng mua bán hàng hoá số 280425/HĐMB/YS-TNK ngày 28/4/2025 và Hợp đồng mua bán hàng hoá số 200625/HĐMB/YS-TNK ngày 20/6/2025 được ký kết giữa Công ty D và Công ty T2, hai bên thoả thuận “Mọi tranh chấp và bất đồng có thể xảy ra khi thực

hiện Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng. Nếu các bên không thỏa thuận được thì tranh chấp sẽ được đưa ra Toà án Kinh tế Hà Nội giải quyết”. Tuy nhiên, tranh chấp giữa các bên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực mà tại Tòa án nhân dân khu vực không có Tòa án Kinh tế do vậy thỏa thuận này không có giá trị pháp lý. Vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội.

[2]. Về nội dung

Xét các Hợp đồng mua bán hàng hoá số 280425/HĐMB/YS-TNK ký ngày 28/4/2025 và Hợp đồng mua bán hàng hoá số 200625/HĐMB/YS-TNK ký ngày 20/6/2025 giữa Công ty D và Công ty T2 về việc mua bán dây, cáp điện C đáp ứng đủ điều kiện của chủ thể ký kết hợp đồng và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên là hợp đồng hợp pháp, có giá trị pháp lý.

[2.1]. Xét yêu cầu hoàn trả số tiền là: 1.789.124.940 VNĐ (Một tỷ, bảy trăm tám mươi chín triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, chín trăm bốn mươi đồng) do vi phạm nghĩa vụ giao hàng đối với Hợp đồng 280425/HĐMB/YS-TNK và Hợp đồng 200625/HĐMB/YS-TNK, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào Điều 1 của Biên bản thỏa thuận về việc thanh lý hợp đồng và xử lý nghĩa vụ chưa thực hiện được ngày 01/8/2025 và các văn bản làm việc giữa Công ty D và Công ty T2, hai bên thỏa thuận và xác nhận Công ty D đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tổng giá trị của Hợp đồng số 280425/HĐMB/YS-TNK ngày 28/4/2025 là: 2.504.035.489 VNĐ và thanh toán khoản đặt cọc mua hàng hoá tương ứng với 30% giá trị Hợp đồng 200625/HĐMB/YS-TNK ngày 20/6/2025 là 389.903.270 VNĐ. Trong khi đó, Công ty T2 mới chỉ giao một phần hàng hoá theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 280425, phần còn lại tương ứng với giá trị hàng hoá chưa giao là 1.499.221.733 VNĐ và chưa thực hiện giao hàng theo Hợp đồng 200625. Như vậy, tổng số tiền vi phạm của Công ty T2 là: 1.889.124.940 VNĐ. Tuy nhiên, Công ty T2 đã trả cho Công ty D tổng số tiền 100.000.000 VNĐ theo hai lần thanh toán vào ngày 17/10/2025 và ngày 21/01/2026. Do vậy, yêu cầu của Công ty D đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty T2 phải thanh toán hoàn trả Công ty D số tiền 1.789.124.940 VNĐ là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2.]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền phạt vi phạm là: 77.018.823 VNĐ do vi phạm nghĩa vụ giao hàng đối với Hợp đồng 280425/HĐMB/YS-TNK và Hợp đồng 200625/HĐMB/YS-TNK, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ khoản Điều 6.2, khoản 6.5 Điều 6 của Hợp đồng số 280425/HĐMB/YS-TNK ngày 28/4/2025 và Hợp đồng số 200625/HĐMB/YS-TNK ngày 20/6/2025, hai bên thỏa thuận mỗi bên thực hiện không đúng hoặc không không đầy đủ nghĩa vụ của

mình theo Hợp đồng này còn phải chịu một khoản tiền phạt vi phạm Hợp đồng với số tiền phạt là 2% tổng giá trị Hợp đồng. Nếu Công ty T2 vi phạm về thời gian thực hiện Hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Công ty D gây ra, Công ty T2 chịu 0,05% giá trị của phần hàng chậm giao. Mức lãi suất nêu trên phù hợp với lãi suất đối với phạt vi phạm được quy định tại Điều 301 Luật thương mại là 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Do đó, căn cứ Điều 301 Luật thương mại; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, yêu cầu của Công ty D đề nghị Tòa án buộc Công ty T2 thanh toán số tiền phạt vi phạm là 77.018.823 VNĐ là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[2.3.]. Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả là: 140.018.043 VNĐ đối với phần hàng chậm giao của Hợp đồng 280425/HĐMB/YS-TNK và Hợp đồng 200625/HĐMB/YS-TNK, Hội đồng xét xử thấy:

Theo khoản 3.2 Điều 3 Biên bản thỏa thuận về việc thanh lý hợp đồng và xử lý nghĩa vụ chưa thực hiện ngày 01/8/2025, Công ty D có toàn quyền áp dụng các biện pháp pháp lý theo quy định của pháp luật Việt Nam để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bao gồm nhưng không giới hạn:... Truy thu toàn bộ khoản nợ gốc, phạt vi phạm, thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ, lãi chậm thanh toán và chi phí tố tụng. Tuy nhiên, trong Hợp đồng 280425 và Hợp đồng 200625, hai bên không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn, phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong trường hợp này, mức lãi suất giới hạn là 20%/năm, do đó, mức lãi suất áp dụng trong trường hợp này là 10%/năm.

Công ty T2 đã trả cho Công ty D tổng số tiền là 100.000.000 VNĐ theo hai lần thanh toán. Lần thanh toán đầu tiên là ngày 17/10/2025 và lần thanh toán thứ hai là ngày 21/01/2026. Mỗi lần thanh toán Công ty T2 trả cho Công ty D 50.000.000 VNĐ. Do vậy, căn cứ Điều 306 Luật thương mại; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, yêu cầu của Công ty D đề nghị Tòa án buộc Công ty T2 thanh toán số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 07/8/2025 đến ngày 13/5/2026 là 140.018.043 VNĐ là có căn cứ nên được chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền Công ty T2 phải thanh toán cho Công ty D là: 2.006.161.806 VNĐ (Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm linh sáu triệu, một trăm sáu mươi mốt nghìn, tám trăm linh sáu đồng).

Về án phí: Công ty D được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ

thảm trên số tiền phải thanh toán và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430, Điều 434, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 301, Điều 306 Luật thương mại;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty D đối với Công ty T2 về việc thanh toán số tiền do vi phạm nghĩa vụ giao hàng theo các Hợp đồng mua bán hàng hoá số 280425/HĐMB/YS-TNK ký ngày 28/4/2025 và Hợp đồng mua bán hàng hoá số 200625/HĐMB/YS-TNK ngày 20/6/2025 là: 2.006.161.806 VNĐ (Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm linh sáu triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm linh sáu đồng).

[2]. Xác nhận tính đến ngày 13/05/2026 Công ty T2 phải trả cho Công ty D số tiền là: 2.006.161.806 VNĐ (Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm linh sáu triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm linh sáu đồng). Bao gồm:

a) Tiền phạt vi phạm:

- Phạt 2% tổng giá trị hợp đồng: $3.803.713.055 \text{ VNĐ} \times 2\% = 76.074.261 \text{ VNĐ}$

- Phạt 0,05% giá trị phần hàng chậm giao: $1.889.124.940 \text{ VNĐ} \times 0,05\% = 944.562 \text{ VNĐ}$

Tổng số tiền phạt vi phạm: $76.074.261 \text{ VNĐ} + 944.562 \text{ VNĐ} = 77.018.823 \text{ VNĐ}$

b) Tiền lãi chậm trả:

- Thời gian chậm trả: Từ ngày 07/8/2025 đến ngày 13/5/2026 là 279 ngày.

Số tiền gốc tính lãi (phần hàng chậm giao): 1.789.124.940 VNĐ

Công thức tính: Số tiền gốc x Lãi suất/năm x (Số ngày chậm trả/365)

$1.789.124.940 \text{ VNĐ} \times 10\% \times (279/365) = 136.757.769 \text{ VNĐ}$

- Thời gian chậm trả: Từ ngày 07/08/2025 đến ngày 17/10/2025
Số tiền gốc tính lãi (phần hàng chậm giao): 50.000.000 VNĐ (khoản tiền đã thanh toán ngày 17/10/2025)
 $50.000.000 \text{ VNĐ} \times 10\% \times (71/365) = 972.603 \text{ VNĐ}$
- Thời gian chậm trả: Từ ngày 07/08/2025 đến ngày 21/1/2026
Số tiền gốc tính lãi (phần hàng chậm giao): 50.000.000 VNĐ (khoản tiền đã thanh toán ngày 21/1/2026)
 $50.000.000 \text{ VNĐ} \times 10\% \times (167/365) = 2.287.671 \text{ VNĐ}$
Tổng số tiền lãi chậm trả: 140.018.043 VNĐ
Như vậy, T1 nợ gốc: 1.789.124.940 VNĐ.
Tiền phạt vi phạm: 77.018.823 VNĐ.
Tiền lãi chậm trả (tạm tính từ ngày 07/08/2025 đến ngày xét xử hôm nay): 140.018.043 VNĐ.

[3]. Về án phí: Công ty T2 phải chịu 72.123.236 đồng (Bảy mươi hai triệu, một trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty D được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí.

Hoàn trả Công ty D 35.477.988 đồng (Ba mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006324 ngày 04/9/2025 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 - Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện của nguyên đơn Công ty D, vắng mặt bị đơn Công ty T2.

Công ty D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Công ty T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 2 - Hà Nội;
- TAND TP. Hà Nội;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Hách